

CON NGƯỜI TRONG TIỂU THUYẾT THỜI HẬU CHIẾN VIẾT VỀ CHIẾN TRANH

NGUYỄN THỊ KIM TIẾN*

TÓM TẮT

Soi chiếu ở số phận cá nhân con người được xem là một cách cắt nghĩa thể hiện quan niệm nghệ thuật về con người của tiểu thuyết viết về chiến tranh thời kỳ đổi mới. Cách lý giải này cho thấy sự cởi mở hơn của văn học khi viết về người lính nói riêng và đề tài chiến tranh nói chung. Bàn về con người trong tiểu thuyết chiến tranh sau 1986, bài viết qua khảo sát một số tiểu thuyết Việt Nam tiêu biểu của thời kỳ đổi mới làm rõ hai khía cạnh: con người dưới góc độ bi kịch cá nhân và con người dưới góc độ bản năng tự nhiên.

ABSTRACT

Human beings in post - war novels about the war

Describing the destiny of an individual human is considered as a way to present viewpoints of art on human beings by novels on the war in the renovation period. This explanation shows openness of literature writing about the soldiers, in particular; and the war topics, in general. On human issues in post war novels after 1986, the article through surveying some typical Vietnamese novels in the renovation period clarifies two aspects: human beings in view of individual tragedies and of instincts.

Con người là điểm xuất phát, đồng thời cũng là đích cuối cùng của mọi sáng tạo. Toàn bộ thế giới nghệ thuật trong văn học bộc lộ một quan niệm thẩm mỹ, ở đó con người được khám phá và thể hiện trong tổng hòa các mối quan hệ xã hội, trong nhiều cấp độ, phương diện, tầng bậc. Mỗi một thời đại, một giai đoạn văn học có cách thể hiện con người khác nhau. Sự đổi mới quan niệm nghệ thuật về con người chính là quá trình vận động biện chứng của ý thức nghệ thuật cho phù hợp với đặc điểm lịch sử, xã hội. Nói cách khác, việc chuyển đổi mối quan tâm của văn học chính là nguyên nhân chi phối sự đổi mới quan niệm nghệ thuật về con người

trong văn học. Vậy “con người trong văn học thực chất là sự cắt nghĩa và quan niệm về con người, được thể hiện bằng hình tượng nghệ thuật, trong các bình diện con người được miêu tả, trong hệ thống các hình ảnh tượng trưng, trong tương quan với không gian, thời gian và trong các nguyên tắc mô tả tính cách, tâm lý” [7, tr.44]. Qua một quá trình dài vận động, quan niệm nghệ thuật về con người luôn có những bước tiến phát triển và biến đổi. Văn học Việt Nam từ sau 1975, nhất là từ đầu thập kỷ 80 với mốc chặng đường đổi mới của dân tộc, của văn học, đã đánh dấu bước đột phá mới trước hết là trong cách khám phá và thể hiện con người.

Tiếp tục mạch đề tài quen thuộc: chiến tranh, văn học thời kỳ sau 1986 đã thực sự khơi được những mạch nguồn

* ThS, Khoa Ngữ văn Trường Đại học Đồng Tháp

“vừa quen vừa lạ” cả về nội dung lẫn hình thức khai thác hình tượng, bên cạnh việc thiết lập nên những sáng tạo mới cho thể loại tiểu thuyết.

Trong những năm kháng chiến, con người tượng trưng cho đất nước, mang dáng vóc đất nước, trở thành một hình tượng nghệ thuật phổ biến. Vì thế văn học 1945 - 1975 là văn học phục vụ cho chiến tranh cách mạng. Điều này đồng nghĩa với con người trong tiểu thuyết chiến tranh thời kỳ này là con người của ý chí lớn, của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Trong bom đạn vẫn ngời lên con người của lý tưởng, của sự hy sinh cao cả, bừng sáng niềm tin, niềm kiêu hãnh không có chút hoài nghi, do dự. Tư thế con người chính trị, con người tập thể, con người anh hùng với những chuẩn mực đạo đức xã hội đã làm tròn nhiệm vụ của mình trong chặng đường cổ vũ dân tộc chống giặc ngoại xâm.

Chiến tranh kết thúc, nền văn học chuyển mình, một mặt vẫn tiếp tục phản ánh cái khốc liệt, hào sảng, giàu lạc quan, mặt khác các nhà văn đã cố gắng tiếp cận chiến tranh bằng cái nhìn thẳng thắn chân thực, bằng sự “dũng cảm điềm đạm” trước sự thật về cái giá phải trả cho chiến thắng như *Đất trắng* (Nguyễn Trọng Oánh), *Sao đổi ngôi* (Chu Văn)... Không khí cởi mở cùng sự thành công của Đại hội Đảng lần thứ VI đã tạo điều kiện cho những đòi hỏi đổi mới của văn học mười năm trước đó (1975 - 1985) trỗi dậy một cách mạnh mẽ. Sự thật chiến tranh hôm nay được nhìn lại qua những nếm trải của người “chịu trận” lại gắn với số phận con người - những con người cá thể với tất cả

các quan hệ chung và riêng trong cộng đồng xã hội. Việc đổi mới quan niệm về con người là yếu tố căn bản quyết định xu hướng dân chủ hóa của văn học, giúp cho văn học vừa linh hoạt biến hóa hơn về hình thức lại vừa chân thực hơn trong nội dung khái quát đời sống. Gặp gỡ ở một đề tài lớn, viết về chiến tranh, các nhà văn của văn học thời hậu chiến qua thể loại tiểu thuyết đã thể hiện những nét phát triển mới của quan niệm thẩm mỹ về con người. Nét mới theo quan điểm chúng tôi được thể hiện nổi bật qua hai vấn đề.

1. Con người dưới góc độ bi kịch cá nhân

Con người trong kháng chiến là con người của tập thể, của cộng đồng, con người thống nhất hoàn toàn với lịch sử - lạc quan, tích cực trưởng thành và hoàn thiện, không bi kịch... Còn con người trong cuộc sống hòa bình khi đã có những mầm đâm chồi cho sự thức tỉnh cá nhân khiến con người không thể nhìn nguyên phiến một chiều mà luôn đặt trong thế đa chiều, trong mối quan hệ cá nhân tác động trở lại cộng đồng. Đã đến lúc các nhân vật của văn học thời kỳ này phải tự phán xét, suy ngẫm về những hành vi của mình, điều này đồng thời đánh dấu những phức tạp của đời sống cá nhân nội tâm con người, những cảm xúc, suy tư, những dằn vặt trần trụi, những mối quan hệ nhiều chiều... luôn được đặt trong thế tương quan quy chiếu từ điểm nhìn cá nhân.

1.1. Nỗi đau về thể xác và tinh thần

Chiến tranh đã lùi xa nhưng vết thương mà nó để lại vẫn nhức buốt trong

tâm hồn con người. Nền hòa bình thời hậu chiến với quá nhiều vấn đề nan giải, quá nhiều bất ổn đã khiến những con người từng kinh qua chiến tranh may mắn còn sống sót trở về cảm thấy mất thăng bằng, mất niềm tin. Nhiều người trở về thân thể còn lành nguyên nhưng tâm hồn mãi mãi mang thương tật.

Hùng (*Ấn mây dĩ vãng*) từ một chàng trai cao lớn khỏe mạnh, nay thành một người đàn ông trung niên hốc hác, có dấu hiệu thần kinh. “Ít nói, ít cười, sợ ánh sáng, sợ tiếng động, sợ nơi đông người, dấu vết mặc cảm tự ti hằn trên từng bước chân đi, từ trong cái nhếch mép rụt rè, nửa khóc nửa cười” [4, tr.6]. Chiến tranh với dư âm của nó vẫn luôn tồn tại trong tâm linh, trong suy nghĩ, tình cảm và tâm lý của những người từng tham chiến, biến họ thành những kẻ “lạc thời”. Họ cảm thấy mình bị “bắn ra khỏi lề đường”, “va đầu vỡ đầu”. Trong rất nhiều sáng tác của Chu Lai những người lính của một thời mang thứ di chứng nặng nề như Sáu Nguyễn (*Ba lần và một lần*), Linh (*Vòng tròn bội bạc*), Hùng (*Ấn mây dĩ vãng*) khiến họ thấy mình thực sự đã bị “mắc kẹt giữa cuộc đời”. Họ dễ dàng trở thành những kẻ mang “tâm hồn bất loạn, ngôn ngữ độc thoại rồi mù, họ bị thực cảnh chiến tranh đầy ải, tàn nhẫn, làm suy sụp cả thể xác lẫn tinh thần” [6, tr.7].

Ra khỏi chiến tranh trong Kiên hàm chứa một mâu thuẫn thường trực. Anh may mắn được sống sót trong thời bình nhưng anh lại cảm thấy “không phải là mình đang sống mà như đang bị mắc kẹt trong cuộc đời này” [6, tr.87]. Người chiến binh sống vất vả và vất vưởng giữa

đám đông hỗn độn kia đang mang một thứ bệnh tinh thần nặng nề khó chữa khỏi. Con người Kiên luôn đi tìm thời gian trong quá khứ với một tâm trạng không bình thường “một tâm hồn bị giam cầm trong quá khứ, hiện tại chơi vơi và tương lai mờ mịt”. Kiên chỉ biết áp ủ mình trong quá khứ dù càng lúc quá khứ trong anh càng trở nên khốc liệt. Cái anh thu nhận được ở hiện tại là thứ mất mát về thể xác, tan nát cõi lòng, trở thành cái bóng, cái hồn mơ giữa cõi đời. Giữa ngày hòa bình anh lạc lõng bơ vơ không lối thoát, anh sống triền miên trong ám ảnh. Quá khứ chiến tranh đã ám ảnh đến mức nó thành một thứ mộng mị, những giấc mộng không đầu không cuối thậm chí mộng cả khi đang thức. Đó là ký ức về những trận đánh, về đồng đội, về những mảnh đời, những số phận mà anh thấy mình phải có trách nhiệm nghĩa vụ với những số phận mảnh đời ấy. Và cứ thế “đôi khi chỉ cần nhắm mắt lại là trong tôi lập tức ký ức tự nó xoay mình theo lối cũ, gạt toàn bộ cõi đời thực hôm nay ra rìa cõi” [6, tr.50]. Trong mảnh vỡ tinh thần của đời anh giờ đây “đối với Kiên muôn thưở chỉ có duy nhất một cuộc chiến tranh kia, một cuộc chiến tranh chẳng những mãi mãi đè nặng, mãi mãi ám ảnh mà về thực chất nó còn là nguyên nhân của mọi khúc đoạn và nông nổi của đời anh, kể cả hạnh phúc, kể cả đau khổ, niềm vui và nỗi buồn, tình yêu và oán hờn” [6, tr.83]. Nếu không có chiến tranh chắc Kiên sẽ vào đại học, sẽ có một gia đình hạnh phúc nhưng sau mười năm chiến tranh, người lính ấy giờ thành một kẻ “dị mọ”, vết thương tâm hồn Kiên

mang về từ cuộc chiến không ngừng rỉ máu. Điều này cũng giống như Quy trong *Chim én bay*. Hiện tại đối với Quy là “căn phòng của chị đêm xuống lại càng thêm vắng vẻ. Nhiều đêm, chị phải khóa cửa phòng, đi lang thang trên phố” [3, tr.123] và cái căn bệnh co giật thỉnh thoảng lại hành hạ chị. Từng đêm là những giấc mơ quái đản cứ hiện về, thêm vào đó là nỗi ám ảnh về “những cái chết kẻ thù mang đến cho gia đình chị và những cái chết chị gieo cho chúng. Chị đã giết những tên ác ôn khét tiếng nhất bởi cách mạng đòi hỏi chị làm vậy. Vậy mà, bây giờ không hiểu sao, chị cứ thấy lòng mình không yên... Có cái gì đó ngoài lý trí bắt chị phải suy nghĩ trăn trở. Cái gì? Hình như nó ở đâu đó trong con người chị, trong con người hàng ngày chị tiếp xúc. Hình như nó ở trong đất, trong nước...” [3, tr.126]. Thực tại trả về cho Quy không gì hơn ngoài những cảm giác nặng nề cùng với những cơn đau hành hạ, cả nỗi xót xa đau đớn tột cùng khi bản năng làm mẹ cũng đã bị cướp mất.

Chiến tranh trải qua nhiều thời gian, nhiều thế hệ đã thấm sâu vào từng nỗi đau của từng cá nhân, lâu lâu lại tái phát, âm ỉ trong cuộc sống và trong lòng người.

1.2. Bi kịch về nỗi khát khao bất thành trong cuộc sống hiện tại

Cơ chế thị trường đặt con người lên những bàn cân đặc biệt về nhân cách vô cùng thâm khốc. Vấn đề về con người nhất là người lính luôn trong tư thế “đấu tranh cho quyền sống của từng con người” đang phải đối mặt với sự xuống cấp các quan hệ nghĩa tình vốn thiêng

liêng bền chặt trong chiến tranh, sự phản bội trắng trợn chính lý tưởng của mình, phản bội đồng đội của mình với những cám dỗ của đời sống vật chất.

Anh Sài của *Thời xa vắng* ngật ngưỡng bước vào thời bình trong tư thế chưa sẵn sàng lường hết được cái giá cuộc đời đưa đẩy cho anh. Mới tí tuổi thanh cu Sài đã phải chịu sự bủa vây của trách nhiệm, đạo lý, danh dự khiến cho cách thoát duy nhất của Sài là chạy, cố chạy cho thoát. Đi bộ đội, trở về hiện tại tưởng thoát nhưng té ra vẫn bị vấp ngã, bị dưng dậy. Sài không thoát nổi chính cơn người mình; thế nên cái đời Sài chỉ được rút rút bằng một kinh nghiệm: nửa đời đi yêu cái người khác yêu, nửa đời còn lại đi yêu cái mình không có.

Trong cơn mắt mọi người xung quanh Kiên là kẻ dờ hơi, sống “mộng du” cùng quá khứ. Chính quá khứ trong Kiên đã trùm lấp hiện tại, đè nghẹt thở hiện tại và chiếm lĩnh cả tương lai. Vậy nên khi trở về trong đời thường, anh thành một tay nhà văn phùng lập dị, một kẻ mộng du không sao hòa nhập được với hiện tại. Quá khứ cho anh được gì trong hiện tại ngoài vết thương hồi ức chiến tranh. Mỗi tình đầu vốn dĩ như một giá đỡ đã cho anh nghị lực sống trong chiến tranh nay cũng trôi tuột ra khỏi nỗi khát khao về hạnh phúc của riêng anh. Oái ăm thay, nghịch lý thay, quá khứ đẩy lại cho Kiên cái quyền khi nhìn về nó anh mới thấy mình thật sự mới đang sống.

Đối với Quy, “có thể nói không quá rằng, chiến tranh đã cướp đi tất cả những gì cần thiết nhất cho một đời sống bình thường của chị. Lẽ ra chị có thể hoàn

toàn thanh thân trước quá khứ. Nhưng không hiểu sao chị lại trần trở bức xúc muốn tìm lại nhà những thằng ác ôn bị chị giết chết hơn mười năm trước” [3, tr.20]. Cuộc sống hiện tại của Quy không hoàn toàn nhẹ nhõm khi chị vẫn đau đầu muốn đi tìm câu trả lời về cuộc sống gia đình của những kẻ ác ôn chị đã giết hiện nay ra sao. Chị sống tựa như để đeo đuổi một trách nhiệm với đời sau cùng nhất, bỏ qua cái bản thân cá nhân chị đang có được: đại biểu Quốc hội, Anh hùng lực lượng vũ trang. Và lại những thứ địa vị đó đâu đưa lại cho chị một sự thư thả trong tâm hồn, cũng không đưa lại được những khát vọng bình thường của người phụ nữ không dám được một lần làm vợ, làm mẹ.

Ngược với nỗi trần trở tinh thần của Quy trong *Chim én bay, Tàn đèn đóm đỏ* của Phạm Ngọc Tiến lại bộc lộ số phận của những con người là người lính trong chiến tranh ở cả người còn sống lẫn người đã chết. Hai mươi năm qua Vịnh sống cùng cái án bỏ đồng đội (thực ra là thấy bạn bị thương chịu đau đớn mà không làm gì được) khiến “gã chui nhủi ra khỏi cuộc chiến tranh, để đến nỗi không còn đường về” [9, tr.498]. Bạn bè đồng đội tưởng gã đã hy sinh nhưng thực ra gã đang tự trừng trị mình. “Cuộc chiến tranh của riêng gã kết thúc bi thảm ở hang Dơi đạo nào. Không còn đường về, từng ấy năm gã nhục nhã trong kiếp người lầm lụi. Khoác áo của đủ mọi lột người. Gã sống như một sinh vật thừa thãi trong vương quốc trần gian” [9, tr.498]. Về làng nhìn thấy ngôi mộ ghi tên mình gã không thốt ra được lời nào,

gã không dám đối mặt với mẹ, với người yêu Thuýên, với đồng đội. Gã tự phạt án tử hình cho mình với cái lỗi mà Vịnh nghĩ mình không còn cơ sửa được. Hai mươi năm Vịnh đi bên rìa đời thực của mình, không tìm đâu một chỗ chết đến cả cái tên của mình cũng không dám gọi. Vịnh không biết được rằng, Phương thẳng bạn bị thương của mình trong hang Dơi ngày nào nay đã là một “linh hồn chết” chưa bao giờ và cũng không bao giờ oán trách anh. Bởi trong tâm hồn của những Phương, ông già, cô gái giao liên, tuy vất vưởng nơi hang Dơi nhưng họ vẫn tin một ngày nào đó họ sẽ được trở về, không còn là những chiến sĩ vô danh nữa, khi họ biết đồng đội vẫn luôn nhớ về họ.

Quả thật “chiến tranh có những lý riêng của nó”, “mỗi người có riêng cho mình một cuộc chiến tranh” [9, tr.354], tất cả họ dù có cơ may được sống trở về, nhưng cuộc sống hiện tại với “thời buổi thiên hạ đang tự thoát xác để lao vào làm ăn, rình rập, cạnh tranh, cuồng nộ, nắm bắt, lao lên, mọp xuống, náo động, âm thầm, bộc trực, độc địa, vấp ngã...” [4, tr.141] chỉ khiến họ trở thành con nộm rom khốn khổ mà thôi.

Thứ khao khát bất thành trong cuộc sống hiện tại là một thứ bi kịch trực tiếp nữa của người lính, qua đó cho thấy sự nói rộng biên độ phản ánh của đề tài chiến tranh trong tiểu thuyết thời kỳ đổi mới. Tính dân chủ sâu sắc đã được phát huy trọn vẹn đưa chúng ta có cơ hội nhìn rõ hơn, chân thực hơn, khách quan hơn về chiến tranh khi kéo số phận của cộng đồng vào trong từng sự “ném trái” của số

phận cá nhân. Tiểu thuyết chiến tranh đã thể hiện một quan niệm không đơn giản xuôi chiều về con người, từ khát vọng khám phá con người ở nhiều thang bậc giá trị, đến những tọa độ ứng xử khác nhau, ở nhiều chiều kích khác nhau.

2. Con người dưới góc độ bản năng tự nhiên

Trong bài viết *Viết về chiến tranh*, Nguyễn Minh Châu đã nhận định nếu văn học trước 1975 con người chỉ đóng vai trò làm đường dây khâu chuỗi các sự kiện lịch sử lại với nhau thì trước sau con người “vẫn trôi lên các sự kiện để đòi quyền sống”. Điều này đồng nghĩa với việc văn học thời kỳ đổi mới có nhu cầu viết về con người, với tất cả những mặt tính cách đa dạng, phải phơi bày trong đời sống mà đã nhiều thập kỷ qua “tạm thời giấu mình trên trang sách”. Đã đến lúc nhận diện lại chiến tranh, thứ không chỉ gây nên những mất mát trên thân thể trong tâm hồn mà còn tước đoạt đi những nhu cầu tự nhiên nhất của bản năng con người.

2.1. Bản năng sống

Trong tiểu thuyết hậu chiến, *Thân phận tình yêu* của Bảo Ninh ám ảnh người đọc bởi những trang viết về cái chết. Cái chết thảm khốc bao nhiêu thì sự khao khát sống cũng bùng lên bấy nhiêu. Trong số những người lính đi qua mảng hồi ức của Kiên, những Quảng, Hòa, Tâm, Oanh, Cừ, Thịnh... đều có những cái chết đau đớn thương tâm. Họ đi cầm súng cũng có nghĩa họ đã nghĩ về cái chết, nhưng ở họ không phải không có cái nghĩ về để muốn sống. Chiến tranh không trừ một ai. Nó đã tạo nên những

cái chết với những vết máu loang, những cuộc bắn giết méo xệch tâm hồn. Ngày nào cũng nhìn thấy người chết mà chưa đến lượt mình, họ trong đó có Kiên dần trở nên lãnh đạm với mọi sự chết xung quanh. Cái chết trở nên bình thường vô vị biết bao trong cuộc chiến này, vậy sống sao mới là khó? Cam vì không chịu được cảnh thảm sầu, khốc liệt của chiến tranh và vì nỗi nhớ mẹ, nỗi nhớ quê hương nên đã bỏ trốn và kết cục là cái chết thảm thương ngay sau đó. Để chạy trốn nỗi cô đơn nơi đại ngàn và cái chết đang rình rập bủa vây họ, Kiên và đồng đội tìm đến hồng ma - một thứ hoa có thể đưa con người ta vào sự mê muội khoái cảm, quên đi tất cả với truong Gọi Hồn, để họ được sống, được ném cái vị cuộc đời một cách trần trụi nhất, để họ quên đi nông nỗi đời lính, quên đi chết chóc. Khỏi hồng ma đưa Kiên trở về với mối tình đầu, Vĩnh mơ thấy đàn bà và những cuộc làm tình trong tưởng tượng, Tạo lại mơ thấy sự ăn uống... Đó là những ao ước hạnh phúc đời thường, những thèm khát cháy bỏng thứ nhu cầu bình thường nhất của con người. Cũng vì thứ bản năng sống ấy, chiến tranh đã biến họ thành những cỗ máy giết người không ghê tay.

Với Tuấn của *Ăn mày dĩ vãng*, trước cái chết của Bảo, anh chỉ muốn “cởi nó tiện đứt hai cánh tay để được trở về nhà. Ăn mày, bom xe, bới rác, trông kho... làm gì cũng được, miễn là được về, được sống” [4, tr.106]. Kể cả như Hùng, một kiểu mẫu người lính tiêu biểu trong chiến tranh, cũng đã từng nghĩ: “Một cuộc đời không vợ không con, không tương lai, không niềm vui nỗi

buồn... nhưng còn ngàn lần vĩnh viễn chui vào lòng đất, cảm lạnh” [4, tr.124].

Con người cá nhân của người lính trong thời khắc chiến tranh vẫn luôn ẩn chứa những điều tốt đẹp để họ muốn được sống, được hưởng thụ. Nhưng không phải vì thứ bản năng đó mà họ chùn bước trước kẻ thù. Nói như Chu Lai: “Chiến tranh chính là điều kiện, là tình huống để đẩy mạnh cái suy nghĩ đời thường lên một đỉnh điểm” [4, tr.179]. Và văn học qua thể loại tiểu thuyết viết về đề tài chiến tranh đã hé mở để khai thác cái mạch ngầm bên trong ấy một cách đầy đủ hơn.

2.2. Bản năng dục vọng

Tiểu thuyết sau năm 1986 khi đề cập đến người lính, nhà văn không còn viết về họ như là một thánh nhân, mà đơn giản họ chỉ là một con người bình thường. Nếu văn học trước 1975 gắn tình cảm của họ với tình cảm lớn lao, vĩ đại của toàn dân thì văn học giai đoạn thời kỳ đổi mới lại khai thác thêm một dòng chảy nữa. Đó là những gì thuộc về đời sống riêng tư, tình cảm cá nhân, những vấn đề thuộc về bản năng con người.

Dưới sự tác động của tinh thần đổi mới, đi cùng sự thay đổi về quan niệm hiện thực chiến tranh, quan niệm nghệ thuật về con người của tiểu thuyết viết về chiến tranh đã đào sâu hơn nữa những yếu tố đời sống cá nhân thuộc về đời tư, bản năng của con người như góc khuất của văn học giai đoạn trước nay đã được lấp đầy.

Chu Lai miêu tả khá kỹ lưỡng và chi tiết khát vọng bản năng gắn kết giữa tình yêu và tình dục. Đó là Sáu Nguyễn -

Tư Chao (*Ba lần và một lần*), Hai Hùng - Ba Sương (*Ăn mày dĩ vãng*), Nam - Thảo (*Phố*), Vũ Nguyên - Hà Thương (*Cuộc đời dài lắm*). Sau mỗi trận chiến, khoảng lặng hiem hoi đó đã đủ sức làm cháy bùng lên những ham muốn đời thường mãnh liệt. Cuộc làm tình giữa Tuấn và Thu sau lại nhói đau bởi câu nói của Thu: “Tuấn đừng khinh tôi, tôi không phải là đứa con gái... thấy Tuấn khổ quá, ngày mai lại lao vào chỗ chết nên tôi không nữa” [4, tr.138]. Còn Tám Tính ngoài những phút đánh giặc như quên mình đi, anh thường xuyên có “những cú vô bản năng bệnh tật”. “Cứ thấy hơi hướng đàn bà, bất kể già trẻ lớn bé... là tâm hồn bản loạn mắt nhìn như thôi miên, như bị hóa thạch” [4, tr.73]. Hòa lẫn trong sự vật vã kìm nén, trong lo âu hoảng loạn và trong cảm giác được dâng hiến của Hai Hối, Tám Tính là nỗi nhớ vợ cằn cào của Khiển. Nỗi nhớ đó được anh hóa giải bằng những lần tắm sông với âm ảnh nhức nhối về đêm cuối cùng từ biệt người vợ trẻ vào chiến trường.

Trong ranh giới mỏng manh giữa sự sống và cái chết, đối mặt với chiến tranh đang từ từ hủy hoại bản thân người lính, vì thế nhu cầu tự nhiên nhất của bản năng con người, thêm khát được thỏa mãn không còn là điều đáng lên án. Câu chuyện yêu đương kỳ lạ của phân đội trinh sát với ba cô gái Mây, Hbia, Thom nghe ra đáng tội hơn nhiều. Trong cơi không nhà, “không đàn ông, không đàn bà” ấy, họ đến với nhau không chỉ duy nhất thỏa mãn nhu cầu dục vọng mà cái chính họ đang cố gieo vào nhau sức mạnh và niềm tin trong cơi chết, biến những điều tưởng chừng nghịch lý trở

nên có lý. Ngay cả như Vạn (*Bến không chồng*) con người cả một đời sống khắc kỷ mà cũng không thể làm một thánh nhân, khi anh phải đối diện với cái gốc bản năng con người mình. Phút giây bản năng trỗi dậy khi “da thịt đàn bà nần nẫn trong vòng tay và hơi thở đầy dục vọng phả vào mặt Vạn” không phải là minh chứng cho sự truy lạc, mà là một lời khẳng định đây mới là lúc Vạn được sống theo kiểu con người đúng nghĩa của mình. Đến như Vịnh (*Tàn đen đóm đỏ*) trong cơn sốt rét rừng đi kèm giấc mơ chập chờn của những chiếc lông ngỗng trong câu chuyện Mỹ Châu - Trọng Thủy mà anh đã kể cho Thuý nghe khi hai đứa chưa phải xa nhau, đã đeo bám anh và trở thành một thứ vô thức muốn ghì chặt lấy người con gái anh yêu trong tay. Con mê tình mông lung của Vịnh gọi tên Thuý lại vô tình đánh thức cái ham muốn được chở che trong con người Lanh, dù cô biết cái phút ái ân tội độ tràn đầy cảm xúc đó Vịnh không thực dành cho cô.

Bộ mặt trần trụi của chiến tranh và số phận khốc liệt của con người trong

hiện thực đã đi đến cùng cái bi kịch của nó. Cách lý giải về con người cá nhân ở những góc độ xã hội và tự nhiên ẩn sâu trong cả những góc khuất tâm linh đã đưa đến cái nhìn về chiến tranh thời hậu chiến đầy chân thực. Tiểu thuyết chiến tranh thời hậu chiến suy cho cùng không còn là khúc ca ngân dài của bản anh hùng ca chiến trận, thay vào đó các nhà văn đang cố “bóc gỡ” một mặt trái về chiến tranh sâu sắc hơn, phơi bày lên trên trang giấy những góc cạnh khác nhau của chiến tranh qua những số phận cá nhân cụ thể, sinh động. Đó là số phận mang “dư chấn” của những hậu quả nặng nề về thể xác và tinh thần, là những tấn bi kịch và khát vọng vươn lên trong cuộc sống mới. Xuất phát từ sự thay đổi trong quan niệm về cuộc sống và con người, hình tượng con người trong tiểu thuyết viết về chiến tranh đã đi theo xu hướng chiều sâu tính cách, đó cũng là nỗ lực nhận thức lại lịch sử, từ đó tìm kiếm, nghiền ngẫm thực tại khẳng định con đường hướng tới tương lai của những con người đã kinh qua cuộc chiến thân thánh của dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hương Giang (2001), “Người lính hòa bình trong tiểu thuyết chiến tranh thời kỳ đổi mới”, *Văn nghệ Quân đội*, (4).
2. Nguyễn Trí Huân (1994), “Những trang viết về người lính”, *Văn nghệ*, (4).
3. Nguyễn Trí Huân (2003), *Chim én bay*, Nxb Quân đội nhân dân.
4. Chu Lai (1992), *Án mày dĩ vãng*, Nxb Hội Nhà văn.
5. Lê Lưu (2002), *Thời xa vắng*, Nxb Hội Nhà văn.
6. Bảo Ninh (1990), *Thân phận tình yêu*, Nxb Hội Nhà văn.
7. Nhiều tác giả (1996), *Một thời đại mới trong văn học*, Nxb Văn học.
8. Trần Đình Sử (2001), “Mấy vấn đề trong quan niệm con người của văn học Việt Nam thế kỷ XX”, *Văn học*, (8).
9. Phạm Ngọc Tiến (2004), *Tàn đen đóm đỏ*, Tiểu thuyết Việt Nam thời kỳ đổi mới, Nxb Hội Nhà văn.